*Ngày soạn: 06/03/2023*

**Tuần 26 – Tiết 26:**

**ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II**

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

**A.Ma trận đề**

**I. Quy đinh chung**

Hình thức: Trắc nghiệm – Tự luận: 70% - 30%

Thời gian: 45 phút (không kể giao đề)

Ngày kiểm tra: theo lịch kiểm tra chung cho toàn nhà trường

Thang điểm chấm: 10 điểm

Số câu trắc nghiệm: 14 câu

Số bài tự luận 3 bài

### **II. Ma trận đề thi**

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Giới thiệu về chăn nuôi** | ***Vai trò, triển vọng của chăn nuôi*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5%**  **0,5 điểm** |
| ***Một số*** ***vật nuôi phổ biến ở nước ta*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5%**  **0,5 điểm** |
| ***Phương thức chăn nuôi*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5%**  **0,5 điểm** |
| ***Ngành nghề trong chăn nuôi*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  | 1 | 5 | 1 | 1 | 6,5 | **15%**  **1,5 điểm** |
| ***Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi*** |  |  | 1 | 3 | 1 | 5 |  |  | 1 | 1 | 8 | **15%**  **1,5 điểm** |
| **2** | **Nuôi dưỡng và**  **chăm sóc vật nuôi** | ***Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi*** | 2 | 3 | 2 | 6 |  |  |  |  | 4 |  | 9 | **20%**  **2 điểm** |
| **3**  33 | **Phòng và trị bệnh cho vật nuôi** | ***Vai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** | 1 | 1,5 | 1 | 3 |  |  |  |  | 2 |  | 4,5 | **10%**  **1 điểm** |
| ***Nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5%**  **0,5 điểm** |
| ***Phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** |  |  | 1 | 3 | 1 | 5 |  |  | 2 |  | 8 | **15%**  **1,5 điểm** |
| **44** | **Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ** | ***Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt*** |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | **5%**  **0,5 điểm** |
| ***Phòng trị bệnh cho gà thịt*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Tổng*** | | | ***8*** | ***12*** | ***6*** | ***18*** | ***2*** | ***10*** | ***1*** | ***5*** | ***14*** | ***3*** | ***45*** | **100%** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **70%** | **30%** | **100%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |  |  | **100%** | **100%** |

**Bản đặc tả đề kiểm tra giữa học kì II môn Công nghệ 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Giới thiệu về chăn nuôi** | 1. ***Vai trò, triển vọng của chăn nuôi*** | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế.  - Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt nam. | 1 |  |  |  |
| 2. ***Một số*** ***vật nuôi phổ biến ở nước ta*** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều ở nước ta (gia súc, gia cầm...).  - Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta (gia súc, gia cầm.). | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - So sánh được các đặc điểm cơ bản của các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. |  |  |  |  |
| 3. ***Phương thức chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  - Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở địa phương. |  |  |  | 1 |
|  | ***4. Ngành nghề trong chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  Nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
|  | ***5. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các vai trò việc vệ sinh chuồng trại trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được những việc nên làm và không nên làm đề bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  | 1 |  |  |
| **Vận dụng:**  Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình và địa phương. |  |  | 1 |  |
| 2 | **Nuôi dưỡng và**  **chăm sóc vật** | ***Nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.   - Trình bày được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc cho một loại vật nuôi phổ biến. * So sánh được kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản. |  | 3 |  |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| 3 | ***Phòng và trị bệnh cho vật nuôi*** | ***Vai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi. |  | 1 |  |  |
| ***Nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi. | 1 |  |  |  |
| ***Phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** | **Thông hiểu:**   * Trình bày được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến. * Nêu được những việc nên làm, không nên làm để phòng bệnh cho vật nuôi. |  | 1 |  |  |
| **Vận dụng:**   * Vận dụng được kiến thức phòng trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn gia đình, địa phương. |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng cao:**  Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc, phòng, trị bệnh một loại vật nuôi trong gia đình. |  |  |  |  |
| 4 | ***Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ*** | ***Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt*** | **Nhận biết:**  - Trình bày được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt | 1 |  |  |  |
|  |  |  |  | 8 | 6 | 1 | 1 |

**A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng nhất**

**Câu 1**. Chăn nuôi có vai trò nào sau đây?

A. Cung cấp thực phẩm cho con người; cung cấp nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp; cung cấp sức kéo, phân bón hữu cơ; tạo việc làm.

B. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến.

C. Cung cấp nguồn phân bón hữu cơ.

D. Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu.

**Câu 2.**  Giống vật nuôi có nguồn gốc từ huyện Đầm Hà và Móng Cái tỉnh Quảng Ninh, được nuôi phổ biến khắp cả nước. Giống lợn này có thân và cổ ngắn, tai nhỏ, lưng võng và bụng xệ; cơ thể có khoang trắng vắt qua vai giống hình yên ngựa. Là giống vật nuôi nào ?

A. Lợn Landrace.  B. Lợn Sóc

C. Lợn Móng Cái. D. Bò Vàng

**Câu 3.** Phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta mà vật nuôi được nhốt hoàn toàn trong chuồng trại, chỉ ăn các loại thức ăn do con người cung cấp là:

A. nuôi thả tự do. B. nuôi công nghiệp.

C. chăn nuôi cá nhân. D. nuôi bán công nghiệp.

**Câu 4.** Nghề thú y là một nghề đang được nhiều bạn trẻ ưa chuộng theo học. Người làm nghề này thực hiện công việc:

A. nghiên cứu, chọn lọc và tạo ra các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao.

B. nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi, quản lý hoạt động chăn nuôi và đưa ra những hướng dẫn kĩ thuật.

C. thu gom, mua những vật nuôi đã đến tuổi xuất chuồng.

D. bảo vệ sức khoẻ vật nuôi thông qua phòng bệnh, khám bệnh và chữa bệnh.

**Câu 5**. **Chăm sóc** vật nuôi non gồm các công việc như:

**A.**Giữ ấm cơ thể; cho vật nuôi vận động, tắm nắng; tiêm vaccine và vệ sinh phòng bệnh.

B. Cho vật nuôi bú sữa đầu (đối với gia súc), cho vật nuôi vận động, tắm nắng.

C. Giữ ấm cơ thể, tập ăn sớm với các loại thức ăn đầy đủ chất dinh dưỡng. D. Thả cho vật nuôi tự kiếm ăn.

**Câu 6.** Vai trò nào sau đây **không có ý nghĩa** trong phòng và trị bệnh cho vật nuôi?

A. Đảm bảo phát triển chăn nuôi ổn định, bền vững.

B. Cung cấp lương thực cho người tiêu dùng.

C. Cung cấp thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

D. Phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái.

**Câu 7**: Trong các bệnh sau đây, bệnh nào thuộc tác nhân bên trong cơ thể vật nuôi?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bò bị ngộ độc thức ăn | B. Trâu bị say nắng |
| C. Rùa bị bạch tạng | D. Gà bị gẫy chân do đánh nhau |

**Câu 8:** Công việc **nuôi dưỡng** vật nuôi đực giống là:

A. Cho vật nuôi vận động

B. Cho ăn lượng thức ăn phù hợp và đủ chất dinh dưỡng

C. Tiêm vaccine và vệ sinh phòng bệnh

D. Kiểm tra thể trọng và tinh dịch

**Câu 9:** Việc làm nào **không** nhằm mục đích bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

**A**. Đưa vật nuôi ốm, chết và chất thải của chúng ra môi trường mà không cần xử lí.

**B**. Vệ sinh thân thể vật nuôi.

**C**. Vệ sinh chuồng và dụng cụ chăn nuôi.

**D**. Vệ sinh thức ăn, nước uống cho vật nuôi.

**Câu 10:** Việc làm nào sau đây chỉ có trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi cái sinh sản?

A. Tập ăn sớm với các loại thức ăn đủ chất dinh dưỡng

B. Tiêm vaccine và vệ sinh phòng bệnh.

C. Cho ăn thức ăn có mức năng lượng và protein cao, đủ chất khoáng và vitamin.

D. Cho ăn lượng thức ăn phù hợp và đủ chất dinh dưỡng

**Câu 11:** Biện pháp nào sau đây **không** có ý nghĩa trong công tác phòng bệnh cho vật nuôi?

A. Tiêm phòng đầy đủ các loại vaccine

B. Tận dụng thức ăn thừa, các thiết bị, dụng cụ của vật nuôi ốm, chết mà không cần sát trùng.

C. Chăm sóc tốt, cho ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng

D. Vệ sinh khử trùng chuồng trại, các thiết bị chăn nuôi, thức ăn, nước uống.

**Câu 12:** Mỗi loại vật nuôi có kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc khác nhau. Để chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi tốt cần phải quan tâm đến:

A. chế độ dinh dưỡng

B. chế độ dinh dưỡng, vận động.

C. chế độ dinh dưỡng, vận động, tiêm phòng và vệ sinh

D. chế độ dinh dưỡng, tiêm phòng và vệ sinh

**Câu 13:** Chuồng nuôi gà thịt phải đảm bảo yêu cầu:

A. Vị trí hướng gió lùa và ánh nắng trực tiếp.

B. Nền đất.

C. Đảm bảo kín đáo.

D. Vị trí cao ráo, lát gạch hoặc láng xi măng, lót thêm lớp độn chuồng.

**Câu 14:** Bệnh xảy ra khi tồn tại đồng thời các yếu tố:

A**.** tác nhân gây bệnh xâm nhập vào cơ thể động vật, động vật có sức đề kháng thấp, môi trường bất lợi cho động vật và thuận lợi cho tác nhân gây bệnh.

B. tác nhân gây bệnh xâm nhập vào cơ thể động vật, động vật có sức đề kháng thấp.

C. tác nhân gây bệnh xâm nhập vào cơ thể động vật.

D. môi trường bất lợi cho động vật và thuận lợi cho tác nhân gây bệnh.

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1 (1 điểm):** Nhà bạn Hoa có một khu vườn khá rộng để trồng cây ăn quả. Bà của Hoa muốn nuôi một đàn gà để lấy trứng và thịt cải thiện cho bữa ăn gia đình. Bà mong muốn có một đàn gà khoẻ mạnh và chắc thịt, giàu dinh dưỡng nhưng lại không muốn thả gà tự do trong vườn cây ăn quả. Theo em bà của Hoa nên sử dụng phương thức chăn nuôi nào để vừa an toàn cho vườn cây nhưng vẫn có nguồn thịt, trứng an toàn ? Vì sao ?

**Câu 2 (1 điểm):** Tình huống: Ông Cường nuôi hơn hai chục con lợn nhưng không gom phân lợn lại để ủ và bón phân cho cây trồng mà thường xuyên dùng vòi phun nước để phân lợn thoát ra cống nước. Khi lợn bị bệnh, gia đình ông tự mổ thịt và mang ra chợ bán. Theo em, việc làm của ông Cường đúng hay sai? vì sao?

**Câu 3 (1 điểm):** Ngày nay, người ta cho rằng chất thải chăn nuôi là một nguồn tài nguyên rất có giá trị. Em cho biết ý kiến trên đúng hay sai. Tại sao?

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN:** Công nghệ 7

**A.Trắc nghiệm:** ( 7 điểm, mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm).

**Đề chẵn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| Câu 1 | A | Câu 8 | B |
| Câu 2 | C | Câu 9 | A |
| Câu 3 | B | Câu 10 | C |
| Câu 4 | D | Câu 11 | B |
| Câu 5 | A | Câu 12 | C |
| Câu 6 | B | Câu 13 | D |
| Câu 7 | C | Câu 14 | A |

**Đề lẻ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| Câu 1 | C | Câu 8 | C |
| Câu 2 | B | Câu 9 | D |
| Câu 3 | C | Câu 10 | A |
| Câu 4 | B | Câu 11 | C |
| Câu 5 | A | Câu 12 | B |
| Câu 6 | B | Câu 13 | D |
| Câu 7 | C | Câu 14 | D |

**B. Tự luận: ( 3 điểm)**

**Câu 1 (1 điểm)**

Để tận dụng được nguồn thức ăn sẵn có trong vườn, chỗ chăn thả lại lại có thịt và trứng sạch thì bà của Hoa nên nuôi gà theo phương thức nuôi bán công nghiệp.

**Câu 2 (1 điểm)**

**- Việc làm của ông Cường là sai.**

**- Phân bón hữu cơ từ chất thải chăn nuôi có khả năng cải tạo đất rất hiệu quả và tạo nguồn dinh dưỡng cho cây trồng. Còn việc ông Cường thường xuyên sử dụng vòi phun nước để phân lợn thoát ra khỏi cống lớn sẽ làm ô nhiễm môi trường.** Ông có thể thay vào đó cũng có thể dùng phân này để bón cho cây trồng thì vừa tiết kiệm tiền mua phân hóa học, vừa không gây ô nhiễm mội trường mà còn không là hại đất.

Khi vật nuôi bị bệnh, gia đình ông không nên mổ lợn và bán ra thị trường. Đây là hành động nhân rộng nguồn lây bệnh ra môi trường, gây hại cho sức khoẻ người tiêu dùng.

**Câu 3 (1 điểm)**

- Theo em ý kiến trên là đúng

- Chất thải chăn nuôi được xem là nguồn tài nguyên có giá trị nếu người chăn nuôi biết cách xử lí, sử dụng đúng cách. Chất thải chăn nuôi sau khi được xử lí có khả năng cải tạo đất là cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng. Chất thải chăn nuôi còn là nguồn cung cấp khí đốt (biogas), điện năng.

**III. Nhận xét:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Số bài/ss | 0 1,9 | 2,0 4,9 | 5 6,4 | 6,5 7,9 | 8,0 10 | % TTB |
| 7A |  |  |  |  |  |  |  |
| 7B |  |  |  |  |  |  |  |
| 7C |  |  |  |  |  |  |  |
| 7D |  |  |  |  |  |  |  |
| 7E |  |  |  |  |  |  |  |

-------------------------------------------